

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU THÉP ĐẠI TÍN	1
2. Tên cơ sở	1
2.1. Địa điểm cơ sở.....	1
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:.....	4
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:.....	4
2.4. Quy mô của cơ sở:	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho Cơ sở	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	12
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	15
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	17

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.3. Xử lý nước thải	22
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	24
2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn chặt thép, cắt thép và công đoạn làm sạch bề mặt:	25
2.3. Biện pháp giảm thiểu hơi dung môi tại công đoạn pha trộn sơn và phun sơn:	25
2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa	26
2.5. Biện pháp xử lý mùi hôi	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	27
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	27
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	29
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)	30
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	32
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	33
6.1. Phòng ngừa sự cố hóa chất	33
6.2. Công tác phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố	33
6.3. Biện pháp phòng chống tai nạn và bảo hộ lao động cho công nhân	38
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	39
8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	40
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	40
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	41
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	41

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	41
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	41
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	41
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	41
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	41
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....	42
4.1. Quản lý chất thải.....	42
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	43
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	44
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh ..	44
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	46
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	46
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	46
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	46
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	47
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	48
1. Kết quả thực hiện:.....	48
2. Kết luận, kiến nghị:	48
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	50
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	50
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	50
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	52

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
DV	: Dịch vụ
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải
CP	: Cổ phần
XD	: Xây dựng

DANH MỤC BẢNG

Bảng I-1. Tọa độ giới hạn vị trí.	2
Bảng I-2. Danh mục máy móc, thiết bị phụ vụ cho cơ sở.....	8
Bảng I-3. Công suất sản xuất các sản phẩm của Công ty.....	10
Bảng I-4. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất.....	10
Bảng I-5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất phục vụ sản xuất	11
Bảng I-6. Bảng thành phần hóa chất	11
Bảng I-7. Nhu cầu dùng điện của cơ sở.....	12
Bảng I-8. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	13
Bảng I-9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải đầu nổi.....	14
Bảng I-10. Tổng lượng nước cấp tại cơ sở	14
Bảng I-11. Các hạng mục công trình tại cơ sở	15
Bảng III-1. Thông số kỹ thuật của Bể tự hoại	24
Bảng III-2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	27
Bảng III-3. Thông tin về thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty	28
Bảng III-4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ Nhà máy	29
Bảng III-5. Bảng thống kê số lượng CTNH phát sinh	30
Bảng III-6. Giới hạn đối với mức ồn của Cơ sở.....	32
Bảng III-7. Giới hạn đối với độ rung của Cơ sở.....	33
Bảng III-8. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt	39
Bảng IV-1. Bảng giá trị giới hạn của tiếng ồn	41
Bảng IV-2. Bảng giá trị giới hạn của độ rung	41
Bảng IV-3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	42
Bảng V-1. Kết quả phân tích không khí xung quanh năm 2024	44
Bảng V-2. Kết quả phân tích không khí năm 2024	45
Bảng VI-1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	47

DANH MỤC HÌNH

Hình I-1. Sơ đồ vị trí cơ sở.....	2
Hình I-2. Hình ảnh vị trí cơ sở	3
Hình I-3. Quy trình sản xuất thép tại Nhà xưởng.....	5
Hình I-4. Sản phẩm sản xuất tại cơ sở.....	10
Hình III-1. Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở	19
Hình III-2. Hình ảnh thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.	20
Hình III-3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải	22
Hình III-4. Sơ đồ hệ thống bể xử lý tự hoại	23

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU THÉP ĐẠI TÍN

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Tân Kim mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Địa chỉ cơ sở: Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 028 7302 3838

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0313911610 đăng ký lần đầu ngày 12/07/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20/10/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7847016352 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/06/2020 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp.

2. Tên cơ sở

NHÀ XƯỞNG CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KẾT CẤU THÉP ĐẠI TÍN

2.1. Địa điểm cơ sở

- Nhà xưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín thực hiện tại Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích khu đất là 16.296,5m².



Hình I-1. Sơ đồ vị trí cơ sở.

- Cơ sở nằm trong KCN Thành Thành Công - Tây Ninh, là khu quy hoạch tập trung các nhà máy sản xuất công nghiệp. Tọa độ các điểm mốc theo kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° được trình bày như sau:

Bảng I-1. Tọa độ giới hạn vị trí.

Ký hiệu mốc	Tọa độ VN 2000	
	X	Y
1	587.510,684	1.220.972,729
2	587.386,791	1.220.920,385
3	587.325,370	1.221.065,762
4	587.391,592	1.221.066,070
5	587.405,101	1.221.065,288
6	587.418,361	1.221.063,093
7	587.432,405	1.221.058,989
8	587.445,204	1.221.046,382
9	587.457,504	1.221.046,410
10	587.468,661	1.221.037,979
11	587.478,220	1.221.029,110
12	587.487,548	1.221.018,082
13	587.496,158	1.221.004,942

- Vị trí tứ cận tiếp giáp của toàn bộ cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc: giáp đường DB2 – KCN Thành Thành Công.
 - + Phía Tây: giáp Công ty TNHH Kenries International.
 - + Phía Đông: giáp đường DB2 – KCN Thành Thành Công.
 - + Phía Nam: giáp Công ty TNHH Zhaowen Knitting (Việt Nam).



Hình I-2. Hình ảnh vị trí cơ sở

❖ Mối tương quan của dự án đối với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh khu vực:

Khoảng cách từ cơ sở đến các đối tượng xung quanh:

- Cách nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN khoảng 400m về phía Đông Bắc;
- Cách Rạch Kè (nguồn tiếp nhận nước thải của KCN) 1.200m về phía Tây Bắc;
- Cách Rạch Bà Mãnh 800m về phía Tây Nam;
- Cách văn phòng quản lý KCN 250m về phía Đông Nam;
- Xung quanh cơ sở hiện hữu là một số Công ty đang hoạt động sản xuất, KCN không có các đối tượng như chùa, nhà thờ, nghĩa trang, khu bảo tồn thiên nhiên;

❖ Thuận lợi:

Hệ thống giao thông đường bộ khu vực thuận tiện và là vị trí trung tâm vùng phát triển phía Nam: Tây Ninh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, gần các cửa khẩu giúp việc đầu tư của các Doanh nghiệp như sản xuất, phát triển công nghiệp, vận chuyển và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Đông Nam Á.

- Nằm gần xa lộ Xuyên Á (phân đoạn Quốc lộ 22). Hệ thống giao thông, liên lạc thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên vật liệu và phân phối sản phẩm:

- + Cách trung tâm TP.HCM 50km;
- + Cách sân bay Tân Sơn Nhất 45km;
- + Cách TP. Tây Ninh 40km;

- + Cách cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài 25km;
- + Cách cửa khẩu Quốc tế Xa Mát 95km;
- Xung quanh khu đất cơ sở hiện có một số nhà máy sản xuất công nghiệp đang hoạt động.
- KCN Thành Thành Công đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng: hệ thống cấp nước, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom xử lý nước thải.
- KCN Thành Thành Công đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định và khắc phục nhanh chóng các sự cố xảy ra cho các doanh nghiệp hoạt động tại đây.
- Hệ thống trung tâm y tế chăm sóc sức khỏe cũng được đầu tư phát triển. Trung tâm y tế phường An Hòa được Công ty CP KCN Thành Thành Công xây dựng trang bị các trang thiết bị để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân phường An Hòa và người lao động trên địa bàn KCN.

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7847016352 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/06/2020 được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp.
- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất theo hợp đồng số: 92/2020/HDCNTS&TLĐ-TTCIZ ngày 27/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín tại địa chỉ Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 16.296,5 m²; thời hạn thuê từ ngày 27/03/2020 đến hết ngày 26/12/2058 (*Hợp đồng thuê đất – đính kèm phụ lục I.1*).

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà xưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín - KCN Thành Thành Tây Ninh Công số 267/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp.

2.4. Quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 66.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ đồng). Do đó, Dự án thuộc nhóm B theo Khoản 3, Điều 9 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.
- Cơ sở thuộc mục số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Cơ sở thuộc Phụ lục X kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

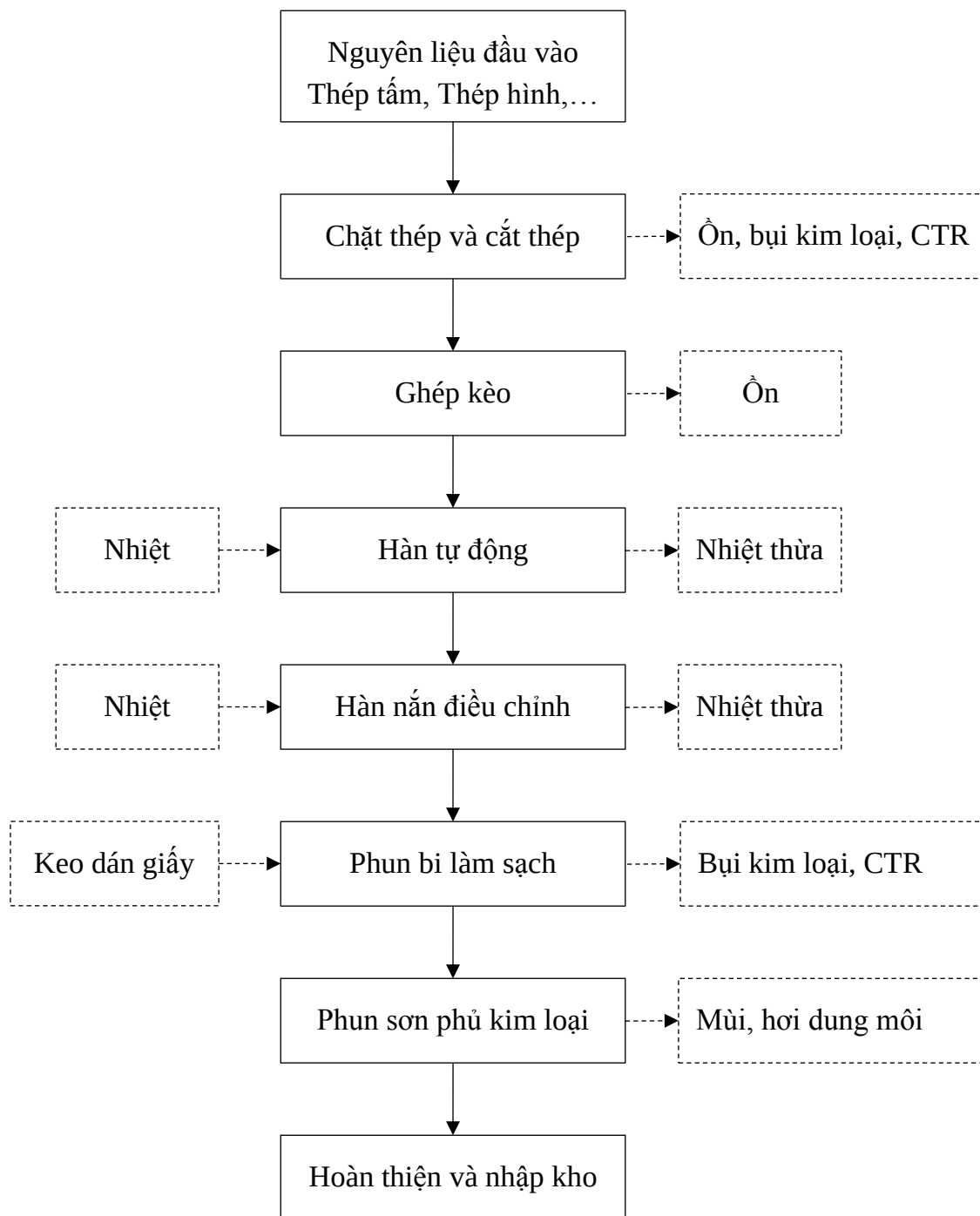
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở sản xuất cột, kèo thép với công suất: 2.500 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình sản xuất của nhà xưởng áp dụng theo quy trình sản xuất mới và hiện đại. Toàn bộ quy trình sản xuất của Nhà xưởng như sau:



Hình I-3. Quy trình sản xuất thép tại Nhà xưởng.

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên liệu: nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất tại nhà xưởng bao gồm thép tấm, thép hình, tất cả các thép tấm và thép hình đều được nhập khẩu, kiểm tra phân loại theo chủng loại.

Chặt thép và cắt thép: thép sau khi kiểm tra chất lượng được đưa tới bộ phận chặt và cắt thép, tại đây các tấm thép với kích thước lớn sẽ được cắt ra thành các thép tấm với kích thước đúng theo bản vẽ kỹ thuật. Thép hình (bao gồm: thép trụ cao, thép hình khối U, H, I, V,...) được chuyển qua công đoạn chặt thép, tháo khối, điều chỉnh kích thước để phù hợp và đúng theo bản vẽ kỹ thuật trước khi chuyển qua công đoạn gia công ghép kèo. Công đoạn chặt thép và cắt thép sẽ làm phát sinh tiếng ồn và chất thải rắn như bụi kim loại, kim loại vụn vỡ.

Ghép kèo: thép sau khi đã điều chỉnh kích thước phù hợp với bản vẽ sẽ chuyển qua công đoạn ghép kèo. Tại khu vực ghép kèo, các kèo thép được di chuyển bằng hệ thống hạ dầm, cầu thép trục cầu xoay đến máy ghép kèo, tại đây các công nhân hoạt động trực tiếp tại nhà xưởng sẽ cân chỉnh để đưa các khối thép vào sao cho các khối thép vào đúng vị trí đã được thiết kế, công đoạn ghép kèo nhằm tạo hình cho sản phẩm trước khi chuyển qua công đoạn hàn tự động cố định, trong quá trình ghép kèo sẽ có phát sinh tiếng ồn gây khó chịu cho công nhân hoạt động tại nhà xưởng.

Hàn tự động: tại công đoạn hàn tự động, các kèo thép đã ghép xong sẽ được hàn kết nối bằng các que hàn (nguồn cung cấp nhiệt cho công đoạn hàn là điện) để kết dính thành cột thép và kèo thép bán thành phẩm, công đoạn hàn tự động sử dụng nhiên liệu là điện để gia nhiệt vì vậy việc phát sinh nhiệt thừa là không thể tránh khỏi.

Hàn nắn điều chỉnh: tại công đoạn này các sản phẩm cột thép, kèo thép bán thành phẩm sẽ được chuyển qua đây để kiểm tra và hàn nắn các mối hàn chưa hoàn thiện, chỉnh sửa các mối hàn bị lỗi và điều chỉnh kích thước cột và kèo phù hợp theo đúng bản vẽ kỹ thuật, công đoạn hàn nắn điều chỉnh được thực hiện tự động hóa, trước khi chuyển qua công đoạn phun bi sắt làm sạch, tại công đoạn hàn nắn điều chỉnh sẽ làm phát sinh nhiệt thừa gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và công nhân hoạt động tại nhà xưởng.

Phun bi làm sạch:

Quy trình phun bi sử dụng tại Công ty là phun bi kín với kích thước phòng phun bi 17m x 5m x 5m được bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất. Quy trình phun bi bao gồm các bước sau:

- Bước 1: Làm khô bề mặt trước khi phun bi, quá trình này được thực hiện bằng cách sử dụng hơi khí nén để làm khô bề mặt SMRM trước khi phun bi.

- Bước 2: Dán keo giấy: công nhân sử dụng keo giấy bọc lại những điểm theo quy định trước khi tiến hành phun bi bề mặt. Mục đích để bảo toàn hiện trạng cho những vị trí không cần sơn; che các lỗ tránh bị rơi vào.
- Bước 3: Phun bi bề mặt. Sử dụng máy phun bi để làm sạch gỉ sét, bảo đảm theo tiêu chuẩn SA 2.0, hoặc độ nhám bề mặt 0.8 Micromet, hoặc độ sáng bề mặt theo mẫu so sánh.
- Bước 4: Làm sạch bề mặt, được thực hiện sau khi hoàn tất công đoạn phun bi bề mặt, mục đích làm sạch phần dầu, bụi, bị sót để chuẩn bị cho Nhân viên QC nghiệm thu trước khi chuyển sang công đoạn sơn.

Trong quá trình phun bi sắt làm sạch bề mặt sẽ làm phát sinh bụi kim loại và bi sắt thừa thải, việc phát sinh này nếu không được thu gom dọn dẹp sẽ gây ra tình trạng trơn trượt.

Phun sơn: Quá trình sơn của Công ty được thực hiện bằng công nghệ sơn bán tự động gồm các bước sau:

- Bước 1: Sơn lót: Sử dụng thiết bị để kiểm tra độ ẩm theo tiêu chuẩn được đề ra trước khi sơn. Sử dụng cọ sơn để sơn lót đường hàn, sử dụng khí nén và bét phun để sơn lót SMRM. Công đoạn sơn lót được thực hiện không quá 1 giờ được tính từ lúc phun bi xong.
- Bước 2: Làm khô sơn. Sau công đoạn sơn lót hoàn thành, sản phẩm được để khô tự nhiên. Tổ trưởng sử dụng đồng hồ đo màng sơn khô để đảm bảo độ dày sơn khô đúng theo quy định hoặc theo đơn hàng.
- Bước 3: Vệ sinh. Sau khi hoàn tất công đoạn làm khô sơn, để chuẩn bị cho quá trình sơn phủ bề mặt
- Bước 4: Làm láng bề mặt, tại đây sử dụng máy mài tay, cọ để tuốt dăm bề mặt và đường hàn (mài, trét, sơn đường hàn).
- Bước 5: Sơn phủ bề mặt, sử dụng phương pháp sơn thủ công bằng tay để sơn phủ bề mặt chi tiết. Dung dịch sơn bao gồm dung dịch sơn và dung môi pha sơn. Mỗi buồng sơn có diện tích 18 - 20m² được bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất.
- Bước 6: Sản phẩm sau khi sơn phủ bề mặt được làm khô tự nhiên trước khi được nhập kho.

Quá trình phun sơn sẽ làm phát sinh mùi và hơi dung môi từ quá trình phun sơn việc phát sinh hơi dung môi nếu không được xử lý triệt để sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe của công nhân làm việc trực tiếp tại nhà xưởng.

❖ **Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở:**

Để phục vụ cho quá trình sản xuất của Nhà xưởng, Công ty sẽ lắp đặt các thiết bị như sau:

Bảng I-2. Danh mục máy móc, thiết bị phụ vụ cho cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
1	Máy chặt thép 6m	1,25 tấn/h	Cái	1	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	90%
2	Máy chặt thép 3,2m	1,25 tấn/h	Cái	1	Trung Quốc	2020	90%
3	Máy cắt CNC 2x8m	1,5 tấn	Cái	1	Việt Nam	2020	90%
4	Máy ghép kèo	1,25 tấn/h	Cái	2	Việt Nam	2020	90%
5	Máy nắn cánh dầm	1,5 tấn	Cái	1	Trung Quốc	2020	90%
6	Máy đột CNC	1,5 tấn	Cái	1	Trung Quốc	2020	90%
7	Máy hàn công 2 mỏ	1,25 tấn/h	Cái	1	Trung Quốc	2020	90%
8	Máy phun bi sắt làm sạch	1,25 tấn/h	Cái	1	Trung Quốc	2020	90%
9	Hệ thống nâng hạ dầm cầu trục	1,5 tấn	Cái	6	Đài Loan	2020	90%
10	Máy phun sơn áp cao	4,5 HP	Cái	2	Trung Quốc	2020	90%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Một số hình ảnh máy móc thiết bị của Cơ sở:



Hình ảnh máy chặt thép.



Hình ảnh máy cắt.



Hình ảnh máy hàn.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Bảng I-3. Công suất sản xuất các sản phẩm của Công ty

Stt	Tên sản phẩm	Công suất sản xuất
1	Cột, kèo thép	2.500 tấn sản phẩm/năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Hình ảnh sản phẩm của cơ sở như sau:



Hình I-4. Sản phẩm sản xuất tại cơ sở.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho Cơ sở**

Nguyên liệu, vật liệu, hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất của cơ sở được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng I-4. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ
1	Thép tấm	Tấn/năm	1.000	Việt Nam
2	Thép hình	Tấn/năm	175	
3	Que hàn	Tấn/năm	60	
4	Bi sắt (sử dụng cho công đoạn làm sạch)	Tấn/năm	2	

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ
5	Bao bì	Tấn/năm	1	
6	Keo giấy dán	Tấn/năm	4,5	
7	Giấy nhám	Mét/tháng	240	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Bảng I-5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất phục vụ sản xuất

STT	Tên nhiên liệu/hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng	Công đoạn sử dụng
I	Nhiên liệu			
1	Dầu DO	Lít/năm	160	Sử dụng bôi trơn thiết bị, máy móc và vận hành máy phát điện dự phòng.
II	Hóa chất			
1	Sơn Benzo	Lít/năm	7.500	Sử dụng trong công đoạn sơn phủ.
Hóa chất được sử dụng tại cơ sở đảm bảo tuân thủ theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.				

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Bảng I-6. Bảng thành phần hóa chất

STT	Loại hóa chất	Thông tin chính về MSDS
1	Sơn Benzo	- Đặc tính: Là loại sơn có 2 thành phần có gốc nhựa Polyurethane, dựa trên phản ứng giữa nhựa Acrylic polyol-A và polyisocyanate-B. - Độ bám dính tốt, độ phủ cao

STT	Loại hóa chất	Thông tin chính về MSDS
		- Thể tích rắn: $53 \pm 2\%$ - Khối lượng riêng: $1.2 \pm 1.4 \text{ kg/l}$ - Chiều dày màng sơn chống gỉ: + Màng sơn khô: 60 – 100 μm + Màng sơn ướt: 129 - 215 μm

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện cho các hoạt động của cơ sở được cấp từ mạng điện chung của tỉnh Tây Ninh thông qua hệ thống đường dây cấp điện của KCN Thành Thành Công.
- Mục đích sử dụng: cấp cho hoạt động của các máy móc thiết bị hoạt động sản xuất, phục vụ chiếu sáng cho toàn Cơ sở.
- Nhu cầu sử dụng điện khi cơ sở hoạt động tối đa công suất là 23.000 kWh/tháng (Hóa đơn sử dụng điện 6 tháng 02, 03, 04, 05, 06, 07 /2024 được đính kèm tại phụ lục I.1).

Bảng I-7. Nhu cầu dùng điện của cơ sở

Tháng	Lượng điện tiêu thụ (KWh/tháng)
Tháng 3	17.247
Tháng 4	9.454
Tháng 5	17.028
Tháng 6	23.254
Tháng 7	19.108
Tháng 8	16.134
Tổng cộng	102.225

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước của cơ sở: Cơ sở sử dụng nguồn nước cấp của KCN Thành Thành Công để phục vụ cho tất cả các hoạt động của Cơ sở.

Hệ thống cấp nước: gồm đường ống cấp nước chính nối từ ống cấp nước thủy cục đến bể chứa nước. Từ đây nước được bơm đi cấp cho các vị trí sử dụng nước. Đường ống cấp nước uPVC có tiết diện ống dao động từ Ø27 – Ø168 tùy theo lưu lượng cấp nước đến từng vị trí sử dụng.

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm các hạng mục: Cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên, tưới cây, tưới đường, PCCC được tính toán cụ thể như sau:

Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân (1 ca/ngày, 1 ca 8 tiếng, 1 năm làm việc 300 ngày): căn cứ QCVN 01:2021/BXD định mức nước sử dụng là 80 lít/người/ngày.đêm và số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 32 người, do đó lượng nước cần cấp cho sinh hoạt như sau:

$$80 \text{ lít/người/ngày.đêm} \times 32 \text{ người/1000} = 2,56 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Nước tưới cây, làm ẩm đường nội bộ: lượng nước cấp cho hoạt động tưới cây, làm ẩm đường nội bộ $Q_{TC} = 3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước dự trữ PCCC: Lưu lượng nước cấp cho 1 đám cháy $\geq 15\text{l/s}$; số lượng đám cháy đồng thời được tính toán ≥ 2 (theo QCXDVN 01:2008/BXD). Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 2 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 30 phút là:

Lượng nước cấp lần đầu cho PCCC là:

$$Q_{CC} = 2 \text{ đám cháy} \times 30 \text{ phút} \times 60\text{s} \times 15\text{l/s.đám cháy} = 54.000 \text{ lít} = 54 \text{ m}^3$$

Tổng lượng nước cấp cho cơ sở (tính cho ngày lớn nhất):

$$Q_{\text{nước cấp}} = Q_{SH} + Q_{\text{tưới cây, làm ẩm}} = 2,56 + 3 = 5,56$$

Bảng I-8. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Đối tượng sử dụng	Cơ sở lựa chọn	Nhu cầu sử dụng nước ($\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$)	Nước dự trữ PCCC	Nguồn nước sử dụng
1	Cấp cho sinh hoạt (32 công nhân)	QCVN 01:2021/BXD	2,56		Nước cấp Khu công nghiệp Thành Thành Công
2	Nước cấp cho tưới cây, làm ẩm đường nội bộ	--	3		
3	Dự trữ PCCC	QCXDVN 01:2008/BXD	--	54 m^3	
Tổng			5,56	54	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Bảng I-9. Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải đầu nổi

STT	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Lượng nước thải đầu nổi (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
1	Cấp cho sinh hoạt	2,56	2,56	Nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước cấp cho tưới cây, làm ẩm đường nội bộ	3	--	Không phát sinh nước thải phải xử lý
Tổng		5,56	2,56	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Theo thống kê của Công ty, trung bình nhu cầu sử dụng nước cấp cho cơ sở trong 7 tháng năm 2024 là 192.8 m³/tháng.

Bảng I-10. Tổng lượng nước cấp tại cơ sở

Tháng	Lượng nước cấp phục vụ sinh hoạt (m ³ /tháng)
Tháng 03/2024	241
Tháng 04/2024	308
Tháng 05/2024	195
Tháng 06/2024	158
Tháng 07/2024	135
Tháng 08/2024	120
Tổng cộng	1.157

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín thuê đất của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất theo hợp đồng số: 92/2020/HDCNTS&TLĐ-TTCIZ ngày 27/03/2020 với tổng diện tích là 16.296,5 m² ; thời hạn thuê từ ngày 27/03/2020 đến hết ngày 26/12/2058 tại địa chỉ Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Với các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng I-11. Các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục công trình chính				
1	Nhà máy	1	5.600	5.600	34,36
2	Nhà văn phòng và căn tin	2	387,2	747	2,37
3	Khu nhà nghỉ công nhân	1	6,12	6,12	0,04
II	Các hạng mục công trình phụ trợ				
1	Nhà xe	1	136,5	136,5	0,84
2	Nhà bảo vệ	1	17	17	0,11
3	Trạm bơm	1	13,2	13,2	0,08
4	Bể nước ngầm	1	60	60	0,37
II	Các hạng mục về bảo vệ môi trường				
1	Kho chứa chất thải	1	5,04	5,04	0,03
2	Kho chứa nguyên liệu	1	5,04	5,04	0,03

Stt	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
3	Nhà vệ sinh	1	78,92	78,92	0,48
4	Cây xanh	-	3.479,4	-	21,35
5	Sân bãi và đường nội bộ	-	6.508,08	-	39,94
Tổng		-	16.296,5	6,728,82	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Mật độ xây dựng của Nhà xưởng, mật độ cây xanh đảm bảo theo Thông tư 01/2021/TT-BXD – Thông tư Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành ngày 19/05/2021.

5.2. Nhu cầu lao động

Nhu cầu lao động: Số lượng nhân công hoạt động tại Nhà xưởng là 32 người trong đó:

- + Số lượng người quản lý: 5 người
- + Số lượng lao động phổ thông: 27 người
- + Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 1 ca/ngày, 6 ngày làm việc/tuần.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Cơ sở được thực hiện tại Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phù hợp với những quyết định sau:

- Quyết định số 1736/QĐ – TTg, ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến 2050.
- Quyết định 1555/QĐ-UBND năm 2019 về phê duyệt Đề án Quản lý, phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2035 tỉnh Tây Ninh.

Khu công nghiệp Thành Thành Công là đã được cấp hồ sơ sau:

- Quyết định số 253/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2019 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án điều chỉnh xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Thành Thành Công” do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Căn cứ vào ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN có ngành công nghiệp kết sản xuất cột, kèo thép của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín phù hợp với mục tiêu hoạt động của cơ sở.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín – KCN Thành Thành Công được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7847016352 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/06/2020.

Công ty Cổ phần Kết cấu và Xây dựng Thép Đại Tín đã thuê đất từ Công ty CP KCN Thành Thành Công, căn cứ theo hợp đồng số: 92/2020/HDCNTS&TLĐ-TTCIZ ngày 27/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín tại địa chỉ Lô B1.3, đường DB2, KCN Thành Thành Công, khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 16.296,5 m² ; thời hạn thuê từ ngày 27/03/2020 đến hết ngày 26/12/2058.

Như vậy, cho thấy vị trí thực hiện cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh Tây Ninh nói chung và của KCN Thành Thành Công nói riêng.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Về môi trường nước: Nước thải phát sinh tại Cơ sở là nước thải sinh hoạt. Lượng nước thải phát sinh được thu gom xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN, không thải trực tiếp ra ngoài môi trường, do đó

không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước. Công ty đã ký Hợp đồng thỏa thuận đầu nối giữa Công ty và KCN Thành Thành Công. (Hợp đồng thỏa thuận đầu nối đính kèm Phụ lục 1.1).

Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu đa ngành của KCN Thành Thành Công (thu gom nước thải từ các doanh nghiệp trong phân khu đa ngành) có công suất thiết kế là 4.000 m³/ngày đêm, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là rạch Kè và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông.

- *Về môi trường không khí:* Hiện tại không khí tại khu vực thực hiện cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm, đồng thời khi cơ sở đi vào hoạt động, khí thải cũng phát sinh từ các phương tiện xe ra vào cơ sở và lưu lượng khí thải phát sinh nằm trong mức cho phép theo quy chuẩn nên các tác động đến môi trường không khí từ cơ sở là không đáng kể.

- *Về môi trường đất:* Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất và hoạt động sinh hoạt của công nhân viên sẽ được phân loại, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Do đó, cơ sở không xả thải chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

- *Về chất thải rắn:* CTRSH, CTCRNTT, CTNH được quản lý theo đúng quy định, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom định kỳ.

❖ Cộng hưởng từ hoạt động sản xuất của dự án đến môi trường khu công nghiệp, khu dân cư lân cận:

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến các Nhà máy đang hoạt động xung quanh Cơ sở và ảnh hưởng đến môi trường khu công nghiệp. Tuy nhiên, Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, không để chất thải chưa được xử lý thải ra môi trường. Ngoài ra, Công ty sẽ phân luồng phương tiện hợp lý, tránh va chạm trong khu vực. Có chế độ điều tiết phương tiện lưu thông trên đường phù hợp.

Như vậy, việc quản lý xả thải của Cơ sở do Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

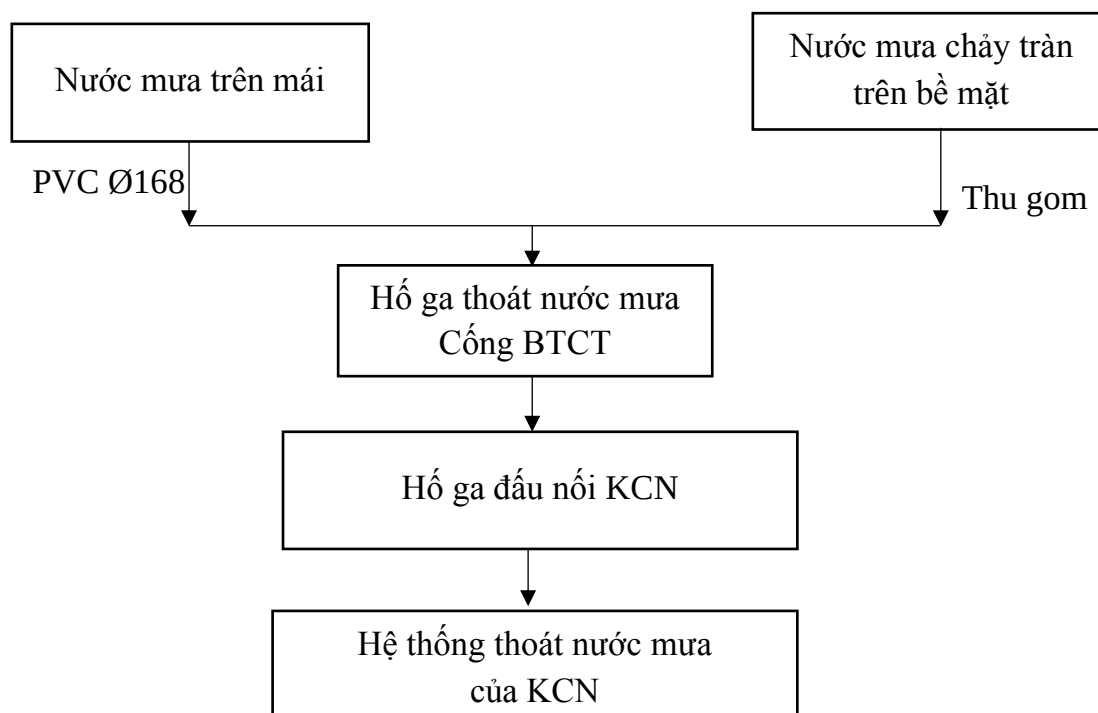
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hiện nay, Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải, và là hệ thống thoát nước mưa kín.

- Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom và theo ống nhựa PVC Ø168 mm dẫn thẳng xuống cống thoát nước BTCT kích thước D_xR = 1.000x1.000mm bố trí xung quanh nhà xưởng và được đặt ngầm dưới mặt đất với tổng chiều dài là 190m.
- Thu gom nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên bề mặt được thoát vào hệ thống mương hở BTCT, bên trên có lắp các song chắn rác, diện tích mặt cắt ngang của mương là 0,6x1m và dẫn tới các hố ga bố trí dọc theo mương thoát nước mưa có kích thước D_xR = 1.000x1.000.
- Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ, dẫn bằng cống BTCT D600mm, chiều dài khoảng 22m đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN thông qua 2 điểm đầu nối của hệ thống thoát nước mưa ở tuyến đường DB2.

Đính kèm Bản vẽ thu gom và thoát nước mưa tại phụ lục I.3.

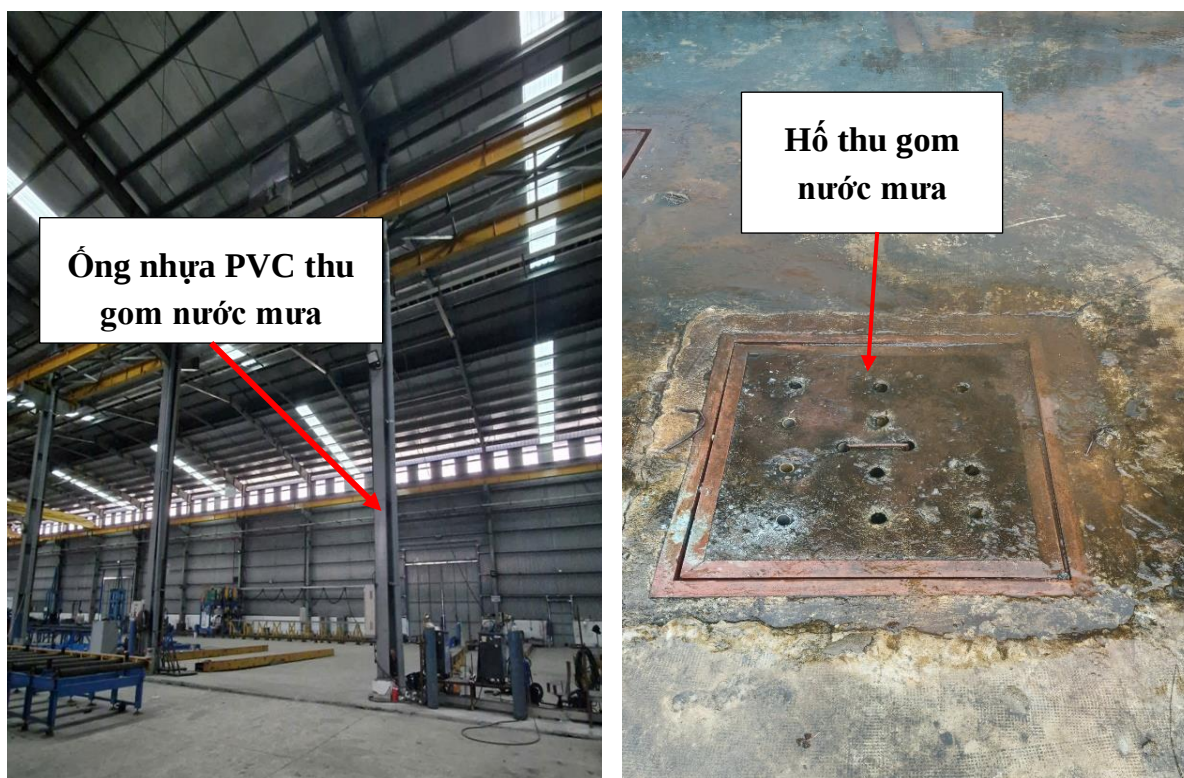


Hình III-1. Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở

Đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa: qua thời gian nhà xưởng hoạt động đến nay cho thấy với quy trình thoát nước mưa như trên là hoàn toàn đáp ứng được khả năng tiêu thoát nước mưa trong nhà xưởng, chưa có hiện tượng tràn mương thoát nước mưa do khả năng tiêu thoát nước không đảm bảo.

Công ty đã thực hiện một số biện pháp sau để hạn chế ô nhiễm nguồn nước mưa:

- Bê tông hóa sân đường nội bộ Công ty.
- Xây dựng theo đúng công trình thiết kế, nền được gia cố bằng bê tông, đảm bảo chống dột cho kho xưởng, tránh nước mưa chảy tràn vào nhà xưởng.
- Thường xuyên quét dọn sạch sẽ mặt bằng nhà xưởng, không để bụi tích lũy trên mặt bằng.
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, các thùng đựng chất thải rắn trong nhà xưởng có mái che, để tránh hiện tượng nước mưa xâm nhập làm phát sinh nước rỉ rác gây ô nhiễm môi trường.



Hình III-2. Hình ảnh thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.

Vị trí thoát nước mưa: nước mưa chảy tràn của cơ sở được thu gom sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp theo hình thức tự chảy.

Tọa độ vị trí 02 điểm đầu nối nước mưa theo VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° :

Vị trí 1: X = 587.432,05; Y = 1.221.075,68;

Vị trí 2: X = 587.500,46; Y = 1.221.031,73.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

a) Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng, nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xưởng sản xuất.

Với số lượng công nhân viên của Cơ sở là 32 người, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân bình quân theo QCVN 01:2021/BXD là 80 lít/người/ngày. Lượng nước thải phát sinh chiếm 100% lượng nước sử dụng:

$$Q_{\text{thải}} = 32 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người.ngày} / 1000 \times 100\% = 2,56 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Tính toán sơ lược bể tự hoại: (Nguồn: PGS-TS. Nguyễn Việt Anh, Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Trường Đại học Xây dựng, NXB Xây dựng, Hà nội, 2007):

$$W_{\text{bể}} = W_{\text{cặn}} + W_{\text{nước}}$$

$$W_{\text{nước}} = Q_{\text{VS}} \times K = 2,56 \text{ m}^3 \times 1,2 = 3,027 \text{ m}^3 \text{ (K: hệ số lưu lượng, K = 1,2)}$$

$$W_{\text{cặn}} = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P_2) / 100.000$$

Trong đó: A : Lượng cặn lắng trung bình của 1 người, a = 0,4 - 0,5 l/người.ngđ

N : Số người sống và hoạt động trong vùng dự án = 32 người

t : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 - 365 ngđ

0,7 : Hệ số tính đến 30% giảm thể tích cặn đã được phân hủy

1,2 : Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại bể tự hoại để lên men cặn

P₁ : Độ ẩm của cặn tươi, P₁ = 95%

P₂ : Độ ẩm của cặn trong bể tự hoại, P₂ = 90%

$$W_{\text{cặn}} = 0,4 \times 32 \times 180 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100-90) / 100.000 = 0,97 \text{ m}^3$$

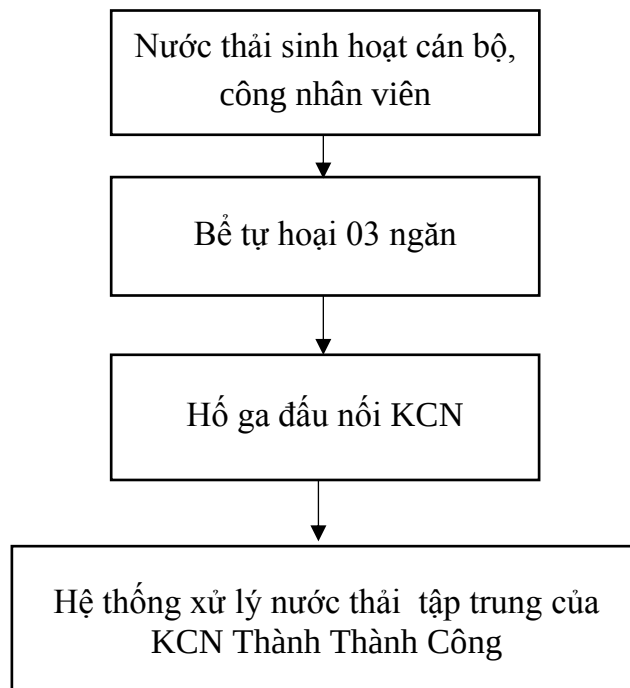
$$W_{\text{bể}} = W_{\text{cặn}} + W_{\text{nước}} = 0,97 + 3,027 = 3,997 \approx 4 \text{ m}^3$$

Vậy thể tích cần thiết của bể tự hoại là 4 m³.

Như vậy, để xử lý nguồn nước thải này chủ xưởng đã bố trí bể tự hoại tương ứng với các khu vực Nhà vệ sinh.

Phương án thu gom các nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh:

- Lượng nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh văn phòng và khu nhà vệ sinh xưởng sản xuất được dẫn theo đường ống nhựa kín PVC kích thước Ø90mm, dài 1m đưa về bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ đầu nối vào hố ga nước thải của KCN Thành Thành Công và tiếp tục đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Thành Công.



Hình III-3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

b) Công trình thoát nước thải

Nước thải (bao gồm nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên) sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được tự chảy ra hố ga tập trung của cơ sở bằng tuyến ống PVC Ø90mm, chiều dài khoảng 15m và đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của KCN Thành Thành Công trên tuyến thu gom nước thải KCN ở tuyến đường DB2.

Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của KCN Thành Thành Công.

Vị trí điểm đầu nối: hố ga đầu nối nước thải trên tuyến thu gom nước thải KCN ở tuyến đường DB2 KCN Thành Thành Công.

Phương thức xả thải: tự chảy.

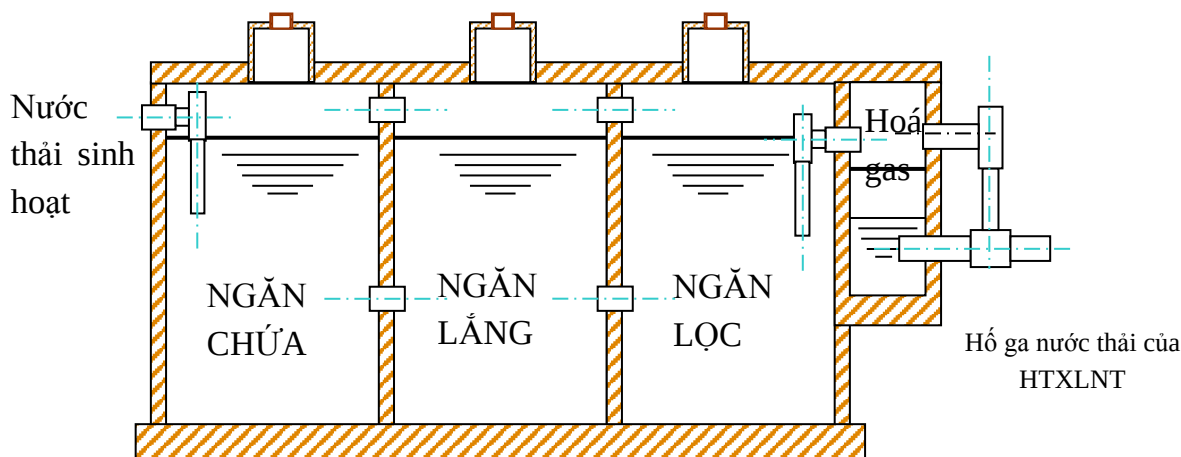
Tọa độ vị trí hố ga đầu nối: X = 587.505,07; Y = 1.221.022,67 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

❖ **Nước thải sản xuất:** Trong quá trình hoạt động nhà xưởng không phát sinh nước thải sản xuất.

1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu vệ sinh cá nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,56 m³/ngày (Lưu lượng nước trên tính cho ngày xả thải cao nhất khi sản xuất công suất tối đa), lượng nước thải này được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.

Sơ đồ cấu tạo và chức năng của bể tự hoại được trình bày như sau:



Hình III-4. Sơ đồ hệ thống bể xử lý tự hoại

Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ các khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:

- Ngăn thứ nhất: ngăn tự hoại.
- Ngăn thứ hai: ngăn lắng.
- Ngăn thứ ba: ngăn lọc.

Nguyên tắc hoạt động của Bể tự hoại:

Bể tự hoại là công trình làm việc đồng thời 3 chức năng: phân huỷ cặn, lắng và lọc. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ trong nước thải sẽ bị phân huỷ tạo thành khí và các chất hữu cơ hoà tan.

Thời gian lưu nước thải trong bể tự hoại 1-3 ngày nên hiệu suất lắng và xử lý cao. Hiệu quả xử lý chất lơ lửng của bể đạt 65 – 70% và hiệu quả xử lý BOD₅ đạt 60 – 65%.

Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân huỷ kỵ khí. Sau khi cặn đầy sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút và mang đi xử lý.

Nước thải và lượng cặn lơ lửng còn lại chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải được vi sinh vật kỵ khí phân huỷ, cặn tiếp tục lắng xuống đáy bể. Sau đó, dòng nước thải chảy sang ngăn thứ ba. Tại ngăn thứ ba, các cặn có kích thước nhỏ hơn được giữ lại. Cuối cùng, nước thải thoát ra ngoài và được dẫn về bể thu gom nước thải của HTXLNT.

Tiêu chuẩn kết cấu của bể tự hoại:

- Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép.
- Không được thấm vào đất, vào nước ngầm.
- Thể tích hợp lý, xây dựng bằng bê tông M200.

Bảng III-1. Thông số kỹ thuật của Bể tự hoại

STT	Hạng mục	Kích thước (m)	Thể tích mỗi bể (m ³)	Số lượng (Cái)
1	Bể tự hoại	2x1.5x1.5	4.5	04

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý qua bể tự hoại được dẫn vào các hố thu gom tại nhà xưởng sau đó đầu nối với hố ga KCN Thành Thành Công và tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Thành Công. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A xả ra nguồn tiếp nhận là rạch Kè và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông. (Bản vẽ mặt bằng thu gom, thoát nước thải được đính kèm tại Phụ lục I.3).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

➤ Các biện pháp chung

Để giảm thiểu những tác động do bụi và khí thải đến người lao động làm việc tại Công ty, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thông thoáng nhà máy: nhà xưởng được xây dựng cao, thông thoáng, rộng rãi.
- Lắp đặt, bố trí máy móc, thiết bị hợp lý, tạo khoảng cách an toàn giữa các máy.

Thường xuyên vệ sinh, bảo trì, tránh để các thiết bị hoạt động quá tải gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay,...) cho toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc. Đồng thời, giám sát, nhắc nhở việc thực hiện công tác bảo hộ trong quá trình làm việc.

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa

Công ty xây dựng nội quy nhằm hạn chế bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông như sau:

- Bê-tông hóa đường giao thông nội bộ.
- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên.
- Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào nhất là vào mùa nắng.
- Khi các xe lưu thông trong khuôn viên cần giảm tốc độ.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

- Đối với xe của nhà xưởng, lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe sẽ được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.

- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hoà các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO_2 , CO_2 hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn chặt thép, cắt thép và công đoạn làm sạch bề mặt:

Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất chủ yếu tại các công đoạn: chặt thép, cắt thép, phun bi làm sạch bề mặt,... Các tác nhân này có tải lượng thấp và phát sinh cục bộ trong nhà xưởng nên Công ty sẽ áp dụng một số biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động do bụi như sau:

- Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, diện tích cửa sổ đạt tối thiểu 40% diện tích mặt tường, bố trí thiết bị khoa học, hợp lý.

- Lắp đặt hệ thống thông gió làm mát tại khu vực nhà xưởng.

- Khu vực gia công (cắt, chặt) thép được bố trí riêng biệt và cách ly các khu vực khác.

- Thời gian hoạt động phải được quy định cụ thể, không được hoạt động quá giờ, không làm việc vào ban đêm hoặc giờ nghỉ ngơi.

- Bố trí cây xung quanh nhà máy để cải tạo môi trường xung quanh và tạo hiệu quả khi đối lưu không khí trong nhà xưởng.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ đầy đủ cho công nhân viên. Tại những nơi phát sinh nhiều bụi phải có bảng cảnh báo và bắt buộc đeo khẩu trang khi tiếp xúc hay làm việc.

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực hoạt động, tránh tình trạng ứ đọng chất thải làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Đối với bụi phát sinh trong quá trình phun bi cát làm sạch bề mặt thép, Công ty đã bố trí hệ thống máy phun bi làm sạch với thiết kế hệ thống kín và dây chuyền tự động hạn chế tối đa bụi phát sinh làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và công nhân làm việc trong nhà xưởng.

2.3. Biện pháp giảm thiểu hơi dung môi tại công đoạn pha trộn sơn và phun sơn:

Đối với hơi dung môi tại công đoạn sơn và pha trộn sơn, Công ty đã lắp đặt các hệ thống thông gió để hạn chế hơi dung môi phát sinh bay hơi và làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động nếu phải tiếp xúc thường xuyên trong thời gian dài.

Tuy nhiên, để giảm thiểu các tác động của hơi dung môi trong quá trình pha trộn sơn và phun sơn tránh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại nhà xưởng, Công ty sẽ cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp sau:

- + Cung cấp các khóa đào tạo cho công nhân về các biện pháp an toàn khi làm việc với sơn và dung môi, bao gồm việc sử dụng đúng thiết bị bảo vệ cá nhân, đảm bảo tuân thủ quy trình an toàn.
- + Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản hóa chất an toàn tại Nhà xưởng;
- + Công ty sẽ lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa hóa chất;
- + Trang bị các loại mặt nạ hoặc khẩu trang có khả năng lọc hơi dung môi để giảm thiểu việc hít phải các chất độc hại.
- + Đảm bảo công nhân mặc quần áo bảo hộ để ngăn ngừa tiếp xúc với sơn và dung môi. Cung cấp găng tay bảo vệ khi pha trộn hoặc phun sơn.
- + Đảm bảo hệ thống hút khí, thông gió và thiết bị bảo vệ cá nhân luôn được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- + Đảm bảo việc thu gom và xử lý chất thải sơn và dung môi đúng quy trình, tránh rò rỉ và phát tán hơi dung môi ra môi trường.

2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa

Vấn đề khống chế ô nhiễm nhiệt bao gồm các việc kiểm soát quá trình phát tán nhiệt trong các nhà xưởng sản xuất và đảm bảo các điều kiện vi khí hậu thuận lợi trong môi trường lao động của công nhân. Công ty sẽ áp dụng các biện pháp khống chế chủ yếu như sau:

- Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, hướng nhà xưởng nhằm sử dụng tối đa khả năng thông gió tự nhiên.
- Áp dụng các biện pháp thông gió cưỡng bức trong hệ thống nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt, chụp thoát gió tự nhiên hay cơ khí để thoát nhiệt, xây dựng các hệ thống thông gió làm mát phục vụ cho công nhân ở những khu vực có nhiệt độ cao.
- Trang bị hệ thống làm lạnh, làm mát không khí trong các nhà xưởng sản xuất, khi có nhu cầu cần thiết.
- Tăng cường trồng cây xanh trên các khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.
- Các thiết bị có phát sinh nhiệt phải sử dụng lớp bảo ôn để hạn chế tối đa sự phát tán nhiệt độ ra môi trường xung quanh.

2.5. Biện pháp xử lý mùi hôi

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường sá, cống rãnh, các khu vực công cộng để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.
- Định kỳ nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng, để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.
- Đối với rác thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom và mang đi xử lý, đảm bảo không gây tồn, ứ đọng rác.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở sẽ được quản lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường – Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Theo QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, hệ số lượng phát thải chất thải rắn sinh hoạt là 0,8kg/người/ngày. Với số lượng công nhân viên là 32 người. Vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Nhà xưởng là:

Bảng III-2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Hạng mục	Hoạt động ổn định
1	Số lượng công nhân viên	32 người
	Khối lượng (kg/ngày)	25,6
	Khối lượng (kg/tháng)	768
	Khối lượng (kg/năm)	9.216

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Các loại chất thải rắn sinh hoạt tại Cơ sở sẽ được phân loại tại nguồn và được phân thành 02 loại chính như sau:

- Rác hữu cơ – rác dễ phân huỷ (chủ yếu là rác thực phẩm).
- Rác còn lại – bao gồm các loại rác vô cơ và khó phân huỷ.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp, bao gồm:

- Bố trí 02 giỏ thu gom rác chuyên dụng thể tích 60 lít, có nắp đậy tại văn phòng làm việc.

- Bố trí 02 thùng chứa rác 120L xung quanh nhà xưởng và yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi. Các thùng đã được bố trí ở các điểm hợp lý.
- Tần suất thu gom: Các chất thải này được thu gom hằng ngày.
- Hợp đồng chuyển giao: Công ty đã ký hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân thu gom rác Tân Bình Để đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt được đính kèm tại Phụ lục I.1*).

Bảng III-3. Thông tin về thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty

Đặc điểm	Hình ảnh
- Màu xanh 120Lít , số lượng 2 - Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng - Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng - Kích thước: D x R x C = 724 x 592 x 1.086 mm. - Nguyên liệu: nhựa HDPE	
- Thùng rác thu gom bao bì thải bỏ chất thải rắn phát sinh từ khu vực văn phòng bao gồm: bìa carton, giấy,...: - Màu xanh, dung tích 15L, số lượng 2 thùng - Có nắp đậy ngăn mùi - Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng - Kích thước: D x R x C = 310 x 260 x 360 mm. - Nguyên liệu: nhựa HDPE	

❖ **Nhận xét:** Trong thời gian hoạt động vừa qua, Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng theo quy định. Công ty cũng bố trí cán

bộ thường xuyên kiểm tra vệ sinh, theo dõi, nhắc nhở công nhân thực hiện nghiêm túc quy định về thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà xưởng bao gồm: sắt thép vụn, kim loại thải bỏ, bụi kim loại,... được thu gom về khu tập kết rác thải của nhà xưởng, sau đó hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

Bảng III-4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ Nhà máy

STT	Nhóm chất thải rắn	Số lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn công nghiệp
1	Sắt thép vụn, kim loại thải bỏ, bụi kim loại,...	15.000	Bàn giao lại cho đơn vị đủ chức năng thu gom xử lý hoặc bán phế liệu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

- Khu vực chứa CTRCNTT được bố trí trong kho và có diện tích khoảng 5 m², có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu trữ. Do đó, các loại chất thải rắn lưu chứa tại đây đảm bảo không phát tán ra ngoài môi trường và không bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- CTRCNTT sẽ được lưu chứa tại các thùng rác 200 - 300L và phân loại theo 2 nhóm chứa vào các thùng khác nhau theo quy định sau:

+ Nhóm có thể tái chế như sắt, nhôm, giấy, bao nylon, nhựa,... được thu gom, phân loại và lưu trữ tại khu tập kết và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng.

+ Các chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế như bụi trong quá trình sản xuất,... sẽ được thu gom riêng hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Tần suất thu gom: 01 ngày/lần sau đó sẽ đem về khu vực chứa rác thải tại nhà xưởng. Định kỳ 01 lần/tuần sẽ có đơn vị thu gom và đem đi xử lý đúng quy định.

- Hợp đồng chuyển giao: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huê Phương VN để đến thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT theo quy định (Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRCNTT được đính kèm tại Phụ lục I.1).

Nhận xét: Theo thực tế hoạt động trong thời gian qua Công ty đã thu gom, xử lý CTRCNTT đúng theo quy định. Công ty cũng bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân không để chất thải rắn tràn lan, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường cũng như cảnh quan.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn sản xuất và chất thải rắn sinh hoạt và lưu trữ vào kho chứa CTNH.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành:

Bảng III-5. Bảng thống kê số lượng CTNH phát sinh

STT	Chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Đăng ký GPMT	Theo thực tế
1	Xỉ hàng có chứa thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	14.200	10.730
2	Dầu nhớt	Lỏng	17 02 03	100	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	100	-
4	Bột bụi sơn	Rắn	08 01 01	200	-
5	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 03	360	-
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	40	-
Tổng cộng		--	--	15.000	10.730

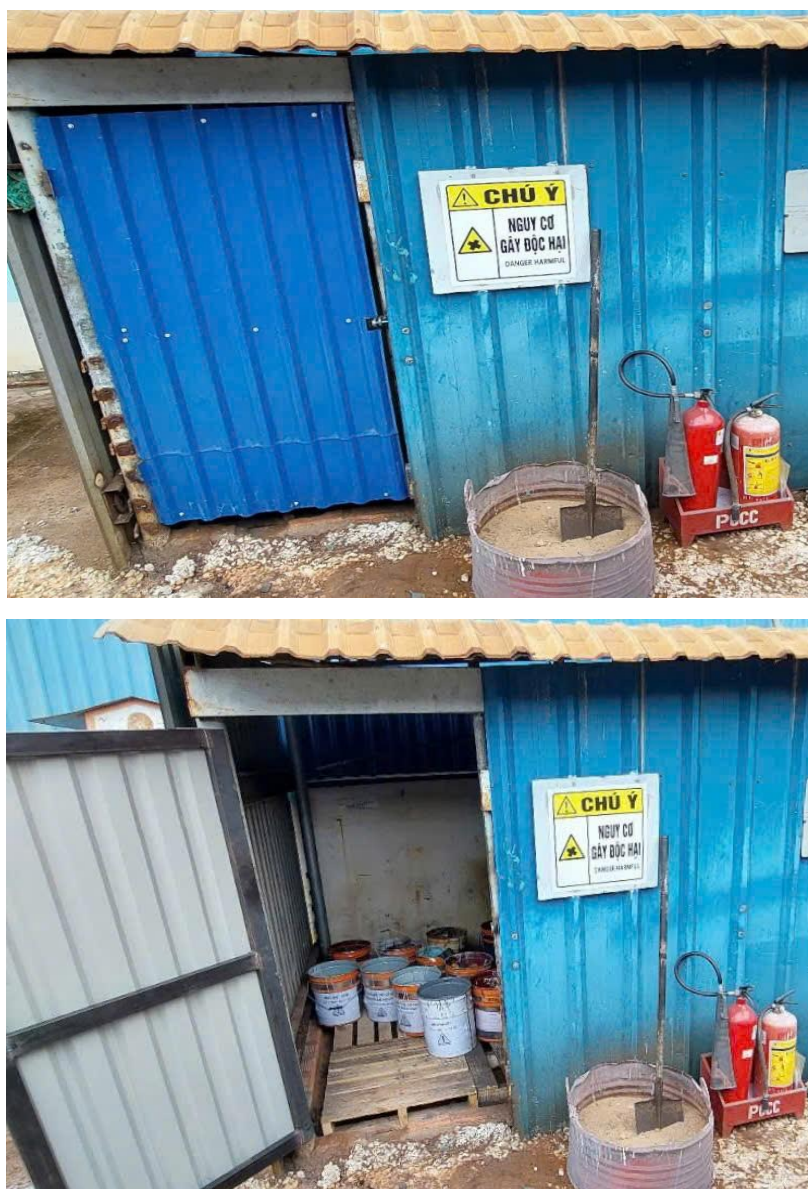
(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m², tường xây bằng vách tole, mặt sàn trong khu vực lưu trữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che làm bằng tôn kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy đặt bên trong kho chứa để thu gom các thành phần chất thải nguy hại khác nhau, không thu gom chung để tránh xảy ra sự cố như cháy, nổ,...

- Thông số kỹ thuật cơ bản của kho rác thải nguy hại:

+ Kích thước 2.500 x 2.500 (mm), diện tích 5 m².

- + Vật liệu: tường xây bằng vách tole; mái lợp tole.
- + Nền xây cao, khô ráo, tránh ứ đọng nước.
- Tần suất thu gom: 1 lần/tháng.
- Hợp đồng chuyển giao: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huê Phương VN để đến thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH được đính kèm tại Phụ lục I.1*).
- Kho chứa chất thải nguy hại được dán nhãn, biển báo CTNH và có khóa cửa, gờ chống tràn, các thùng chứa CTNH phải được kê trên pallet,... theo đúng quy định.
- Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại.



Hình III-5. Hình ảnh kho chứa CTNH tại cơ sở.

Nhận xét: Theo thực tế hoạt động trong thời gian qua Công ty đã hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại đúng theo quy định của Nhà nước. Công ty cũng bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân không để chất thải nguy hại tràn lan, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường cũng như cảnh quan. Định kỳ Công ty báo cáo khối lượng, chứng từ, hợp đồng thu gom vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định theo dõi và quản lý.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công ty chúng tôi thực hiện các biện pháp để giảm tiếng ồn như sau:

- *Giảm thiểu tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển ra vào Cơ sở*
 - + Hạn chế các phương tiện giao thông ra vào cơ sở vào giờ cao điểm.
 - + Bố trí khu vực ra vào, bãi đậu xe cho các loại phương tiện vận chuyển.
 - + Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở nhằm hạn chế tiếng ồn và cải thiện vi khí hậu.
 - + Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển.
- *Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ trang thiết bị máy móc*
 - + Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
 - + Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.
 - + Công nhân phải được trang bị đồ bảo hộ lao động (trang bị nút tai), đặc biệt là những công nhân tiếp xúc lâu với tiếng ồn.
 - + Bố trí các máy móc trong dây chuyền một cách hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.
 - + Xây móng bê tông vững chắc cho các máy, thiết bị có độ rung lớn.

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- + Tiếng ồn:

Bảng III-6. Giới hạn đối với mức ồn của Cơ sở

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng III-7. Giới hạn đối với độ rung của Cơ sở

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng ngừa sự cố hóa chất

Nhà xưởng luôn luôn bảo đảm việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Khi thực hiện thiết kế các bồn chứa hóa chất, căn cứ vào đặc điểm hóa lý của lưu chất chứa trong bồn mà có sự lựa chọn vật liệu chế tạo phù hợp loại trừ hiện tượng ăn mòn. Vật liệu chế tạo phải có chứng nhận của nhà sản xuất;
- Hàng năm, lập kế hoạch và thực hiện đầy đủ việc bảo trì, bảo dưỡng tất cả máy móc, thiết bị trong Nhà xưởng; Lập kế hoạch kiểm định, thực hiện kiểm định tất cả các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;
- Để giảm thiểu lượng khí độc phát tán ra môi trường xung quanh và nhằm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu ở các công đoạn phát sinh. Định kỳ công ty liên hệ các đơn vị có chức năng đến đo, giám sát môi trường theo đúng yêu cầu pháp luật.
- Huấn luyện, đào tạo, tuyên truyền về công tác ATVSLĐ – PCCC nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc phát hiện, khắc phục hoặc ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra;
- Đánh giá và quản lý các rủi ro;
- Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ: Công ty lập bảng kế hoạch kiểm tra, giám sát các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra, theo dõi các vị trí dễ phát sinh sự cố và nguyên nhân bên trong cũng như tác động từ bên ngoài có thể dẫn đến tình huống sự cố, đồng thời hướng dẫn các biện pháp xử lý tức thời để hạn chế tối thiểu các thiệt hại khi xảy ra sự cố.

6.2. Công tác phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố

➤ Sự cố cháy nổ

Để đảm bảo an toàn trong sản xuất, phòng tránh sự cố cháy nổ có thể xảy ra, Cơ sở trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC đúng theo quy định của phòng cảnh sát PCCC.

Định kỳ vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.

Bố trí hệ thống dẫn điện hợp lý, dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện, phải có thiết bị bảo vệ quá tải và lắp đặt hệ thống chống giật.

Phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu bị hư hỏng nhằm hạn chế tối đa sự cố có thể xảy ra.

Lưu trữ riêng chất tạo bọt và lưu trữ đúng quy định để phòng chống sự cố cháy nổ từ vật liệu này.

Thành lập đội PCCC cơ quan và tập huấn, huấn luyện các thao tác PCCC.

Máy móc thiết bị có xuất xứ và thông số kỹ thuật, thay thế, bảo trì đúng thời hạn.

Cơ sở đã lắp hệ thống PCCC bao gồm: các phương tiện và thiết bị chữa cháy: bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy,... bên cạnh đó lắp đặt hệ thống phòng chống sét.

Thường xuyên kiểm tra các bể, thùng chứa nguyên liệu hóa chất, sử dụng các bể chứa đúng tiêu chuẩn ngành và được hướng dẫn, huấn luyện cụ thể về các phương án phòng ngừa cháy nổ.



Hình III-6. Hệ thống PCCC tại cơ sở.

Một số giải pháp đối với các khu vực nguy cơ cháy nổ cao:

- *Tại khu vực nhà xưởng, nhà kho (chất cháy chủ yếu là hóa chất, giấy, bìa carton, ...).*

+ Khi phát hiện cháy phải báo động khẩn trương cho toàn Công ty biết.

+ Cắt điện khu vực cháy

+ Gọi điện báo cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo số 114, gọi điện cho lực lượng y tế theo số 115 khi được yêu cầu.

+ Hướng dẫn công nhân thoát nạn, di chuyển tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm.

+ Nhanh chóng sử dụng bình chữa cháy xách tay, hòng nước chữa cháy vách tường phun vào khu vực cháy ngăn chặn không cho đám cháy phát triển, dập tắt đám cháy. Sau khi lực lượng PCCC chuyên nghiệp triển khai xong thì phối hợp với cán bộ cơ sở trong công tác chữa cháy cũng như cứu nạn, cứu hộ.

- *Đối với sự cố cháy nổ do hóa chất*

+ Trình sát đám cháy: Trước khi triển khai công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần phải tiến hành trình sát đám cháy, xác định rõ chủng loại, vị trí, cách sắp xếp, tình trạng bao bì, khối lượng hóa chất có tại cơ sở. Tình trạng đám cháy đang diễn ra (mức độ đám cháy, tình trạng thiết bị chứa, sản phẩm cháy độc hại). Xác định mức độ rò rỉ hóa chất và nguy cơ phát tán.

+ Triển khai chữa cháy: Các chiến thuật chữa cháy đám cháy hóa chất nhằm mục đích ngăn chặn sự lan rộng của đám cháy và sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất. Tùy thuộc vào loại đám cháy, tình hình diễn biến đám cháy, khả năng của lực lượng xử lý, chỉ huy lựa chọn các biện pháp sau:

Trường hợp chưa đủ khả năng kiểm soát tình huống cần triển khai cách ly vật liệu, hóa chất ở các khu vực lân cận bằng cách sử dụng thiết bị vận chuyển di dời thiết bị chứa hóa chất ở lân cận đám cháy; đóng dây chướng ngại vật công nghệ. Sử dụng nước phun mưa làm mát ngăn cháy lan (đối với hóa chất không kỵ nước) để bảo vệ hoặc sử dụng hóa chất khác để trung hòa.

Tổ chức phân vùng nguy hiểm: Đối với sự cố cháy hóa chất, khả năng nguy hiểm nhất là việc phát tán hóa chất độc hại (có thể là các sản phẩm cháy) ra khu vực xung quanh. Do vậy, sau khi trình sát đám cháy, Công ty cần xác định vùng chịu ảnh hưởng. Sự cố hóa chất thường được phân chia thành 03 vùng: vùng nóng (khu vực sự cố hóa chất đang diễn ra), vùng ấm (khu vực ảnh hưởng của sự cố hóa chất) và vùng lạnh (khu vực an toàn). Việc xác định bán kính các vùng tùy thuộc vào loại hóa chất (căn cứ phiếu quản lý hóa chất). Khi lực lượng xử lý (chữa cháy, di dời hóa chất, xử lý sự cố) vào vùng ấm và vùng nóng phải trang bị đầy đủ đồ bảo hộ phù hợp nhằm tránh các tác động từ hóa chất.

Tổ chức dập tắt đám cháy: Khi xác định trong Cơ sở không có hóa chất kỵ nước, triển khai phun nước làm mát xung quanh và ngăn cháy lan. Sử dụng nước, bột, bọt, khí tro hoặc các chất có tác dụng kìm hãm phản ứng cháy khác để chữa cháy. Công ty căn cứ vào từng tình huống cụ thể, căn cứ vào loại hóa chất cháy để sử dụng chất chữa cháy nào hiệu quả nhất.

Trường hợp cháy hóa chất ở thể lỏng chảy loang trên mặt sàn, phải tổ chức be bờ hoặc xúc đất, cát phủ một lớp bề mặt để phun bột, bột chữa cháy dập lửa. Khi triển khai đội hình phun bột để loại trừ đám cháy chất lỏng chảy loang hoặc trên mặt thoáng của bể chứa thì cường độ phun cần thiết theo dung dịch là $(0,08- 0,1) \text{ l/m}^2.\text{s}$ (sử dụng chất chữa cháy là bột hòa không khí có bội số nổ trung bình).

Trường hợp lửa đang cháy tại lỗ thùng có hóa chất thoát ra (hơi, khí cháy) trên đường ống, có thể phun tia nước đặc để cắt ngọn lửa, đồng thời phun mưa để làm mát phần đường ống đang bị nung nóng sau đó tìm biện pháp bịt lỗ thùng. Nếu cháy xảy ra đồng thời tại lỗ thùng và dưới mặt sàn do chảy loang thì trước tiên phải phun bột hoặc bột để ngăn chặn cháy lan trên diện tích mặt cháy loang và tại lỗ thùng. Sau đó sử dụng lăng phun mưa để làm mát đoạn đường ống đang bị tác động nhiệt.

Trường hợp cháy hoá chất là axit dạng lỏng hoặc các hoá chất khi bị tác động bởi nhiệt độ cao hoà trộn với H_2O tạo thành axit. Khi phun nước cần lưu ý không triển khai chữa cháy bằng phun tia nước đặc trực tiếp vào đám cháy vì nguy cơ gây bắn axit vào cán bộ cơ sở tham gia chữa cháy gây nguy hiểm hoặc axit theo dòng nước chảy loang ra xung quanh làm đám cháy lan rộng hoặc ô nhiễm môi trường xung quanh.

Dựa vào các biện pháp chữa cháy Cơ sở hoá chất, chất chữa cháy được sử dụng trong các đám cháy loại hình này được chia thành 4 loại như sau:

– Nhóm chất chữa cháy làm mát (Bao gồm nước chữa cháy): Chúng có tác dụng làm giảm đáng kể nhiệt độ trong khu vực cháy và giảm thiểu nguy cơ đám cháy lan sang các khu vực lân cận... Nước chữa cháy tại các Cơ sở hóa chất được sử dụng dưới dạng tia phun sương và chỉ với mục đích hạ nhiệt độ bên ngoài. Hạn chế sử dụng nước phun trực tiếp để chữa cháy vì nước không hiệu quả với đám cháy chất lỏng, là dung môi không tan trong nước, vật liệu không thấm nước hoặc có thể phản ứng hoá học với một số hoá chất như kim loại kiềm, kiềm thổ, các loại cacbua kim loại, than sinh ra khí nguy hiểm như H_2 , C_2H_2 , CO dẫn tới nguy cơ xảy ra cháy lớn hoặc nổ.

– Chất chữa cháy có tính chất cách ly (Bao gồm bột khô và bột chữa cháy): Tác dụng của chất chữa cháy này là ngăn chặn sự tiếp xúc của oxy đến nguồn lửa. Bột chữa cháy có bội số nổ cao được sử dụng để dập tắt đám cháy chất kim loại kiềm và thiết bị điện khí hóa. Bột bội số nổ trung bình hoặc nổ thấp thường được dùng để dập tắt các đám cháy hoá chất thể lỏng trong các thiết bị chứa hoặc chất lỏng cháy loang trên mặt sàn được giới hạn trong khu vực nhất định.

Ngoài ra, bột khí áp lực cao là hỗn hợp nước (rất ít), khí nén và chất tạo bọt. Ưu điểm của nó là có độ bền cao, độ bám dính tốt trong một thời gian dài, đây là điều cần thiết trong điều kiện chữa cháy ở các cơ sở hóa chất.

– Chất chữa cháy làm loãng (Bao gồm khí trơ và khí carbonic, hơi nước): Tác dụng chính của các loại chất chữa cháy này là giảm đồng thời nồng độ oxy và hơi chất cháy. Trong số các khí trơ được sử dụng tại các Cơ sở hóa chất và hóa dầu, Nitơ (N_2) được sử dụng nhiều nhất. Khi chữa cháy, khí N_2 lấp đầy căn phòng nơi xảy ra cháy và chiếm hết diện tích của O_2 . Tuy nhiên, không sử dụng khí N_2 là chất chữa cháy đối với nhà xưởng có chứa vật liệu nhôm (Al), magiê (Mg), zircon (Zr) và lithium (Li) vì khí N_2 gây ra vụ nổ khi tác dụng với các kim loại này.

– Các chất chữa cháy ức chế phản ứng (Các chất ức chế bao gồm hydrocarbon halogen): Có tác dụng làm giảm hoạt động phản ứng hóa học của quá trình cháy khiến ngọn lửa giảm dần cường độ và tắt hoàn toàn. Trong thực tế, khi dập tắt chất lỏng dễ cháy, CO_2 có thể sử dụng ở trạng thái hóa lỏng hoặc rắn. Tuy nhiên, có những hạn chế đối với việc sử dụng CO_2 là nó không tương thích với rượu ethyl và không phù hợp với các chất và vật liệu đốt cháy mà không cần oxy. Trong khi đó, các hydrocarbon có chứa halogen là một phần của freon (CFC) và được sử dụng để dập tắt các đám cháy thiết bị có điện áp cao. Nhược điểm của những chất chữa cháy này là độc tính cao đối với con người và ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của tầng Ozon. Trong điều kiện chữa cháy tại các cơ sở hóa chất, freon chỉ được sử dụng để ngăn chặn lửa bằng cách sử dụng để oxy hoá. Chúng ngăn chặn các vụ nổ trong các xưởng đặc biệt nguy hiểm của các cơ sở hóa chất: trong buồng sấy, buồng phun sơn và kho nhiên liệu.

➤ An toàn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động, Công ty sử dụng các giải pháp sau:

- Hướng dẫn nhân viên am hiểu nguyên tắc phòng chống cháy nổ, cách sử dụng các thiết bị an toàn, đúng quy cách.
- Xây dựng nội quy làm việc cho từng khu vực.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc.
- Đóng phí bảo hiểm đúng quy định và khám sức khỏe định kỳ, tối thiểu mỗi năm 1 lần cho những công nhân làm việc thường xuyên tại Cơ sở.

➤ An toàn giao thông

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng phương tiện giao thông; kiểm tra sơ bộ các phương tiện giao thông trước khi hoạt động nhằm đảm bảo phương tiện hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

Không chở quá tải trọng cho phép và không sử dụng phương tiện quá hạn sử dụng, quá thời gian đăng kiểm.

Tuyên truyền, giáo dục nhân viên nghiêm chỉnh chấp hành luật an toàn giao thông, các quy định an toàn giao thông. Phân công điều khiển phương tiện cho nhân viên đủ điều kiện.

Bố trí thời gian tan ca của công nhân phù hợp, không tập trung cùng giờ với giờ ra vào của học sinh để giảm lưu lượng tập trung xe, tránh gây ùn ứ, tắc đường, dễ xảy ra tai nạn giao thông.

➤ **Sự cố về tiếng ồn, độ rung**

Công ty có kế hoạch định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, các máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung. Đưa ra kế hoạch kiểm tra hằng tuần và do nhân viên chuyên trách đã qua huấn luyện thực hiện. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục khi xảy ra sự cố như sau:

Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: ốc vít, đinh, các loại đai thép bọc ống,...Đồng thời thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

➤ **Sự cố bể tự hoại**

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

Thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

Thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hút hầm cầu khi bể đầy.

➤ **Sự cố từ kho chứa CTNH**

CTNH được công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, chủ cơ sở sẽ tiến hành thu gom CTNH bị rò rỉ, phát tán vào thùng chứa, kho chứa và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

6.3. Biện pháp phòng chống tai nạn và bảo hộ lao động cho công nhân

Để hạn chế các rủi ro xảy ra, công ty đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau nhằm quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định an toàn lao động, các biện pháp đó là:

- Tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.

- Quan tâm ngay từ khâu lựa chọn thiết bị. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Không đưa thiết bị vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định.

- Tiến hành tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động. Tiến hành đo đạc các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe và có biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Xây dựng nội quy sản xuất, quy tắc an toàn lao động.

- Để tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, công nhân không được phép uống rượu, bia khi đang làm việc.

- Bảo trì, tu sửa máy móc thiết bị vào những ngày nghỉ hàng tuần.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động (khẩu trang chuyên dụng, găng tay cao su, ủng cao su, tạp dề nylon chống ướt...) cho công nhân đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi so với các quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở như sau:

Bảng III-8. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Stt	Nội dung thay đổi	Theo đề xuất trong Báo cáo ĐTM được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn pha trộn sơn và phun sơn	Lắp đặt HTXLKT hơi dung môi tại công đoạn pha trộn sơn và phun sơn. Quy trình xử lý như sau: Hơi dung môi → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống khói → Thoát ra ngoài môi trường	Theo hiện trạng thực tế: tại khu vực phun sơn được thực hiện bằng phương pháp sơn thủ công, bố trí riêng biệt với các công đoạn khác trong nhà xưởng. Do vậy, lượng hơi dung môi phát tán không đáng kể và Công ty không lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi.

8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở xin cấp phép lần đầu nên không có bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh nào so với giấy phép môi trường được cấp.

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương IV**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thành Thành Công, không xả ra môi trường).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do không phát sinh khí thải phải lắp đặt công trình xử lý do đó Công ty không đề xuất cấp phép đối với khí thải).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực xưởng sản xuất.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ vị trí theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° :
- Nguồn số 01: Tương ứng nguồn số 01: $X = 587.424,86$; $Y = 1.220.983,41$.

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Bảng IV-1. Bảng giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

Độ rung phát sinh không đáng kể, nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT.

Bảng IV-2. Bảng giá trị giới hạn của độ rung

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

4.1. Quản lý chất thải

❖ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Bảng IV-3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Đăng ký GPMT	Theo thực tế
1	Xi hàng có chứa thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	14.200	10.730
2	Dầu nhớt	Lỏng	17 02 03	100	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	100	-
4	Bột bụi sơn	Rắn	08 01 01	200	-
5	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 03	360	-
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	40	-
Tổng cộng		--	--	15.000	10.730

❖ Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn công nghiệp
1	Sắt thép vụn, kim loại thải bỏ, bụi kim loại,...	15.000	Bàn giao lại cho đơn vị đủ chức năng thu gom xử lý hoặc bán phế liệu

❖ **Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt
1	Hoạt động sinh hoạt hằng ngày của công nhân viên	9.216	Doanh nghiệp tư nhân thu gom rác Tân Bình Độ

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- ❖ Thiết bị lưu chứa
 - Bố trí các thùng phuy nhựa loại 160 lít có dán nhãn mã số CTNH trong kho chứa chất thải nguy hại.
- ❖ Kho chứa
 - Diện tích: 5 m²
 - Kho chứa chất thải nguy hại có kết cấu vách tole, mái tole, mặt sàn trong khu vực lưu trữ CTNH bảo đảm kín khít, xây dựng gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che làm bằng tôn kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- ❖ Thiết bị lưu chứa
 - Bố trí trong kho. Định kỳ lượng rác thải này được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.
- ❖ Kho chứa
 - Diện tích: 5 m²
 - Thông số kỹ thuật cơ bản của kho rác thải công nghiệp thông thường:
 - + Kích thước 2.500 x 2.500 (mm), diện tích 5 m².
 - + Vật liệu: tường xây bằng gạch bê tông, mái lợp tole, nền bê tông.
 - + Nền xây cao, khô ráo, tránh ứ đọng nước.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- ❖ Thiết bị lưu chứa
 - Bố trí 2 giỏ thu gom rác chuyên dụng thể tích 15 lít, có nắp đậy tại văn phòng làm việc.
 - Bố trí 2 thùng chứa rác 120L xung quanh nhà xưởng, nhà bảo vệ và yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh

❖ Quan trắc môi trường không khí xung quanh năm 2024

- Tình trạng hoạt động: Công ty hoạt động bình thường
- Vị trí lấy mẫu: Khu vực cổng ra vào
- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Lần 1: Ngày 14/10/2024
- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí xung quanh:

Bảng V-1. Kết quả phân tích không khí xung quanh năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Các QCVN đã áp dụng	
				QCVN 26:2010/BTNM	QCVN 05:2023/BTNM
1	Độ ồn	dBA	64,6	≤ 70	-
2	Bụi	mg/Nm ³	0,245	-	0,3
3	SO ₂	mg/Nm ³	0,091	-	0,35
4	NO ₂	mg/Nm ³	0,085	-	0,2
5	CO	mg/Nm ³	<8,3	-	30

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí xung quanh năm 2024 cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 05:2023/BTNM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

❖ Quan trắc môi trường không khí bên trong khu vực sản xuất năm 2024

- Tình trạng hoạt động: Công ty hoạt động bình thường
- Vị trí lấy mẫu: Khu vực xưởng sản xuất GĐ1 và Khu vực xưởng sản xuất GĐ2
- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.
- Ngày lấy mẫu:
 - + Lần 1: Ngày 14/10/2024
- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí bên trong khu vực sản xuất:

Bảng V-2. Kết quả phân tích không khí năm 2024

Chỉ tiêu Điểm đo	Độ ồn dBA	Bụi mg/Nm³	SO₂ mg/Nm³	NO₂ mg/Nm³	CO mg/Nm³
K2: Khu vực xưởng sản xuất GD1	77,6	0,361	0,169	0,098	<8,3
K3: Khu vực xưởng sản xuất GD2	82,6	0,329	0,152	0,123	<8,3
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	-	8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	10	10	40

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí bên trong khu vực sản xuất năm 2024 cho thấy chất lượng môi trường không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất không nguy hại

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa CTR sản xuất không nguy hại.

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: hàng ngày và khi chuyển giao.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: kho chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: hàng ngày và khi chuyển giao.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải tự động, liên tục. Do đó, Công ty sẽ không thực hiện quan trắc chất thải tự động, liên tục theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở như sau:

Bảng VI-1. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Mẫu giám sát	Số lượng	Đơn giá (đồng/lần thu gom)	Tần suất giám sát	Thành tiền (đồng)
1	Chất thải sinh hoạt	2	2.000.000	6 tháng/lần	4.000.000
2	Chất thải nguy hại	2	16.000.000	6 tháng/lần	32.000.000
3	Viết Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)				5.000.000
4	Chi phí tạm tính xăng xe 2 lần				2.000.000
Tổng kinh phí giám sát môi trường tạm tính cho 1 năm					43.000.000

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, một số nội dung kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở, cụ thể như sau:

Ngày 30/07/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh có Thông báo số 4596/TB-STNMT về Kết quả kiểm tra về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện:

Bên cạnh những mặt làm được, công ty vẫn còn tồn tại về công tác bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty tiếp tục khắc phục những nội dung sau:

- Sử dụng sơn thủ công, không sử dụng sơn bằng máy nên chưa lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi tại công đoạn tại công đoạn pha trộn sơn và phun sơn theo Báo cáo DTM đã được phê duyệt.
- Cung cấp chứng từ, hợp đồng thu gom bán phế liệu theo quy định.
- Kho chứa phế liệu để lẫn CTNH dung môi, giặt lau dính dầu nhớt.
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường.
- Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2. Kết luận, kiến nghị:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đúng theo DTM đã phê duyệt.
- Tiến hành nộp Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường về Cơ quan chức năng thẩm định phê duyệt đúng theo quy định.
- Thu gom, phân loại, lưu trữ, xử lý CTRCNTT, CTNH đúng theo quy định.
- Thực hiện lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ và kế hoạch, phòng ngừa ứng phó sự cố.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín khắc phục một số tồn tại về công tác bảo vệ môi trường theo thông báo số 4596/TB-STNMT ngày 30/07/2024, cụ thể như sau:

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 01/02/2021. Vì vậy, theo điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Công ty xin phép được thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp GPMT gửi cơ quan chức năng

thẩm định, phê duyệt.

2. Công ty xin gửi bổ sung biên bản giao nhận, chứng từ xử lý với các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
3. Công ty tiến hành lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo đúng quy định.
4. Công ty đã tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đã gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 21/10/2024.

(Nội dung chi tiết được thể hiện tại Biên bản làm việc, văn bản liên quan và được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo).

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thật; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Nhà xưởng;
- d) Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Nhà xưởng gây nên;
- e) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình thi công xây dựng và khi đi vào hoạt động;
- f) Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
- g) Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
 - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
- h) Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình hoạt động của Nhà xưởng:
 - Môi trường không khí

- + Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình hoạt động sẽ đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- Nước thải:
- + Nước thải của Nhà xưởng Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín nằm trong giới hạn của KCN Thành Thành Công.
- Chất thải rắn:
- + Thu gom, CTSH, CTRCNTT, CTNH đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- i) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu ra ở *Chương VI* sẽ được thực hiện nghiêm túc.
- j) Các công trình xử lý môi trường giai đoạn đi vào hoạt động được làm đầy đủ, đảm bảo chất lượng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà xưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín” kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy phép./.

Trân trọng

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục I.1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
- Giấy phép xây dựng
- Quyết định phê duyệt ĐTM
- Quyết định phê duyệt ĐTM của Dự án KCN
- Văn bản đấu nối điện KCN
- Văn bản đấu nối hạ tầng KCN
- Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC
- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất
- Hợp đồng dịch vụ cấp nước
- Hợp đồng dịch vụ thoát nước
- Biên bản kiểm tra theo Quyết định số 4569/TB-STNMT của Sở TN&MT
- Hợp đồng đấu nối KCN
- Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt
- Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại
- Hóa đơn điện, nước từ tháng 03/2024 – 08/2024
- Chứng từ thu gom chất thải nguy hại

Phụ lục I.2:

- Kết quả quan trắc có liên quan đến cơ sở

Phụ lục I.3:

- Bản vẽ sơ đồ vị trí cơ sở
- Bản vẽ sơ đồ mặt bằng tổng thể
- Bản vẽ thu gom và thoát nước mưa
- Bản vẽ thu gom và thoát nước thải
- Bản vẽ kho chứa CTNH.

PHỤ LỤC I.1

GIẤY TỜ PHÁP LÝ

PHỤ LỤC I.2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

PHỤ LỤC I.3

CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

